

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ

Học kỳ 3 - Năm học : 2017-2018

Môn học : Pháp luật kinh tế - 1104003

Mã lớp học phần: 110400302

Số tín chỉ: 2

Giảng viên giảng dạy: Trần Kiều Nhi - (07014)

Ngày thi: 11/07/2018 Giờ thi: 8h00 Phòng thi: A1.8

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	1710100018	Lâm Lê Huy	Hoàng	27/08/1999	7.0	Bảy	C19QT1	
2	1610100139	Trần Mai Khánh	Huyền	26/07/1998	6.0	Sáu	C18QT	
3	1710100004	Trần Thanh	Liêm	30/12/1999	6.0	Sáu	C19QT1	
4	1710100035	Huỳnh Thị Kim	Loan	10/09/1999	7.0	Bảy	C19QT1	
5	1710100003	Huỳnh Thị Kiều	Mai	13/03/1999	8.3	Tám, ba	C19QT1	
6	1710100030	Ksor Kpã	Misian	06/06/1995	6.0	Sáu	C19QT1	
7	1710100013	Võ Thị Yến	Nhi	1999	8.3	Tám, ba	C19QT1	
8	1710100037	Trần Quốc	Nhơn	23/04/1998	7.0	Bảy	C19QT1	
9	1710100016	Đặng Quỳnh	Như	25/12/1999	2.3	Hai, ba	C19QT1	
10	1610100009	Vũ Hoàng	Oanh	25/10/1995	6.0	Sáu	C18QT	
11	1710100009	Ngô Tấn	Phát	30/07/1998	8.3	Tám, ba	C19QT1	
12	1710100005	Huỳnh Văn	Phú	26/09/1999			C19QT1	
13	1710100022	Trần Thị Thùy	Phương	27/10/1999	8.7	Tám, bảy	C19QT1	
14	1710100033	Đặng Tú	Quyên	30/01/1998	8.0	Tám	C19QT1	
15	1710100023	Trịnh Ngọc	Sang	15/10/1999	2.0	Hai	C19QT1	
16	1710100031	Trần Thị Ngân	Tâm	25/06/1999	7.0	Bảy	C19QT1	
17	1710100019	Nguyễn Thị Phương	Thảo	29/03/1999	8.7	Tám, bảy	C19QT1	
18	1710100029	Trịnh Kim	Thi	11/02/1999	8.0	Tám	C19QT1	
19	1610100119	Nguyễn Hoàng Phú	Thịnh	14/01/1998	0	Không	C18QT	
20	1710100006	Nguyễn Thị Xuân	Thu	01/01/1999	8.3	Tám, ba	C19QT1	
21	1710100014	Nguyễn Thị Phương	Thùy	03/01/1999	8.3	Tám, ba	C19QT1	
22	1610100015	Lê Thị	Thương	07/01/1998			C18QT	
23	1710100038	Đỗ Thị Thùy	Tiên	09/03/1998			C19QT1	
24	1310100141	Nguyễn Quỳnh	Tiên	08/08/1995	5.0	Năm	C15QT1	
25	1710100024	Trần Thị Thanh	Trà	01/12/1999	8.0	Tám	C19QT1	
26	1710100010	Lê Thị Thùy	Trắc	18/01/1999			C19QT1	
27	1710100027	Cao Dũ Nhựt	Trường	12/12/1998	6.0	Sáu	C19QT1	
28	1710100012	Phan Thị Cẩm	Tú	14/11/1999	8.0	Tám	C19QT1	
29	1710100021	Lê Trần Kim	Vân	21/08/1999	8.0	Tám	C19QT1	
30	1710100001	Đinh Minh	Vũ	06/05/1998	6.0	Sáu	C19QT1	

Lưu ý: Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

Tổng số sinh viên dự thi: 26 vắng thi: 04. Số bài thi: 26 / 20.

Số sinh viên đạt/không đạt: 26 / 4

Tỷ lệ đạt: _____ %

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ

Học kỳ 3 - Năm học : 2017-2018

Môn học : Pháp luật kinh tế - 1104003

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Mã lớp học phần: 110400302

Số tín chỉ: 2

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giảng viên giảng dạy: Trần Kiều Nhi - (07014)

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Ngày thi: 25/01/2018 Giờ thi: 8h00 Phòng thi: A.1.8

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	1710100040	Châu Nguyễn Kim Anh	14/10/1999					C19QTI	
2	1710100039	Mohamad Aziz	14/03/1999					C19QTI	
3	1710100036	Nguyễn Văn Diên	29/08/1997			6,0	Sau	C19QTI	
4	1710100018	Lâm Lê Huy Hoàng	27/08/1999			5,0	Nam	C19QTI	
5	1610100139	Trần Mai Khánh Huyền	26/07/1998			8,0	Tam	C18QT	
6	1710100004	Trần Thanh Liêm	30/12/1999			5,5	Nam	C19QTI	
7	1710100035	Huỳnh Thị Kim Loan	10/09/1999			7,0	Bay	C19QTI	
8	1710100003	Huỳnh Thị Kiều Mai	13/03/1999			8,0	Tam	C19QTI	
9	1710100030	Ksor Kpă Misian	06/06/1995			5,0	Nam	C19QTI	
10	1710100013	Võ Thị Yến Nhi	1999			8,5	Tam	C19QTI	
11	1710100037	Trần Quốc Nhơn	23/04/1998			7,0	Bay	C19QTI	
12	1710100016	Đặng Quỳnh Như	25/12/1999					C19QTI	
13	1610100009	Võ Hoàng Oanh	25/10/1995			8,0	Tam	C18QT	
14	1710100009	Ngô Tấn Phát	30/07/1998			5,0	Nam	C19QTI	
15	1710100005	Huỳnh Văn Phú	26/09/1999					C19QTI	
16	1710100022	Trần Thị Thùy Phương	27/10/1999			6,5	Sau	C19QTI	
17	1710100033	Đặng Tú Quyên	30/01/1998			5,0	Nam	C19QTI	
18	1710100023	Trịnh Ngọc Sang	15/10/1999					C19QTI	
19	1710100031	Trần Thị Ngân Tâm	25/06/1999			5,0	Nam	C19QTI	
20	1710100019	Nguyễn Thị Phương Thảo	29/03/1999			9,0	Chin	C19QTI	
21	1710100034	Đỗ Kim Thái	18/09/1999					C19QTI	
22	1710100029	Trịnh Kim Thi	11/02/1999			7,0	Bay	C19QTI	
23	1610100119	Nguyễn Hoàng Phú Thịnh	14/01/1998					C18QT	
24	1710100006	Nguyễn Thị Xuân Thu	01/01/1999			8,0	Tam	C19QTI	
25	1710100014	Nguyễn Thị Phương Thùy	03/01/1999			6,0	Sau	C19QTI	
26	1610100015	Lê Thị Thương	07/01/1998					C18QT	
27	1710100038	Đỗ Thị Thủy Tiên	09/03/1998					C19QTI	
28	1310100141	Nguyễn Quỳnh Tiên	08/08/1995			7,0	Bay	C15QTI	
29	1710100024	Trần Thị Thanh Trà	01/12/1999			7,5	Bay	C19QTI	
30	1710100010	Lê Thị Thùy Trắc	18/01/1999					C19QTI	
31	1710100027	Cao Dũ Nhựt Trường	12/12/1998			5,5	Nam	C19QTI	
32	1710100012	Phan Thị Cẩm Tú	14/11/1999			5,5	Nam	C19QTI	
33	1710100021	Lê Trần Kim Vân	21/08/1999			7,0	Bay	C19QTI	
34	1710130018	Trương Công Vinh	29/04/1999					C19QTI	

	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
0100001	Đình Minh Vũ	06/05/1998		515	515	Năm học	C19QT1	

Ý: sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

Tổng số sinh viên dự thi: 24 vắng thi: 41 Số bài thi/Số tờ: 24 / 24

Số sinh viên đạt/không đạt: 24 / 0

Tỷ lệ đạt: 100,0 %

Ngày 23 tháng 7 năm 2018

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)



Trần Thị Kim Anh

Ngày 23 tháng 7 năm 2018

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)



Trần Kiên Nhi



BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

Học kỳ 3 - Năm học : 2017-2018

Môn học : Pháp luật kinh tế - 1104003

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Mã lớp học phần: 110400302

Số tín chỉ: 2

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giảng viên giảng dạy: Trần Kiều Nhi - (07014)

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	1710100040	Châu Nguyễn Kim Anh	14/10/1999		8.00	Tám	C19QT1	
2	1710100039	Mohamad Aziz	14/03/1999		0.00	Không	C19QT1	
3	1710100036	Nguyễn Văn Điền	29/08/1997		6.00	Sáu	C19QT1	
4	1710100018	Lâm Lê Huy Hoàng	27/08/1999		6.00	Sáu	C19QT1	
5	1710100004	Trần Thanh Liêm	30/12/1999		6.00	Sáu	C19QT1	
6	1710100035	Huỳnh Thị Kim Loan	10/09/1999		6.00	Sáu	C19QT1	
7	1710100003	Huỳnh Thị Kiều Mai	13/03/1999		7.00	Bay	C19QT1	
8	1710100030	Ksor Kpã Misian	06/06/1995		6.00	Sáu	C19QT1	
9	1710100013	Võ Thị Yến Nhi	1999		7.00	Bay	C19QT1	
10	1710100037	Trần Quốc Nhơn	23/04/1998		6.00	Sáu	C19QT1	
11	1710100016	Đặng Quỳnh Như	25/12/1999		7.00	Bay	C19QT1	
12	1710100009	Ngô Tấn Phát	30/07/1998		7.00	Bay	C19QT1	
13	1710100005	Huỳnh Văn Phú	26/09/1999		6.00	Sáu	C19QT1	
14	1710100022	Trần Thị Thùy Phương	27/10/1999		8.00	Tám	C19QT1	
15	1710100033	Đặng Tú Uyên	30/01/1998		8.00	Tám	C19QT1	
16	1710100023	Trịnh Ngọc Sang	15/10/1999		6.00	Sáu	C19QT1	
17	1710100031	Trần Thị Ngân Tâm	25/06/1999		6.00	Sáu	C19QT1	
18	1710100019	Nguyễn Thị Phương Thảo	29/03/1999		8.00	Tám	C19QT1	
19	1710100034	Đỗ Kim Thái	18/09/1999		6.00	Sáu	C19QT1	
20	1710100029	Trịnh Kim Thi	11/02/1999		8.00	Tám	C19QT1	
21	1710100006	Nguyễn Thị Xuân Thu	01/01/1999		7.00	Bay	C19QT1	
22	1710100014	Nguyễn Thị Phương Thùy	03/01/1999		7.00	Bay	C19QT1	
23	1710100038	Đỗ Thị Thủy Tiên	09/03/1998		0.00	Không	C19QT1	
24	1710100024	Trần Thị Thanh Trà	01/12/1999		8.00	Tám	C19QT1	
25	1710100010	Lê Thị Thùy Trắc	18/01/1999		0.00	Không	C19QT1	
26	1710100027	Cao Dũ Nhựt Trường	12/12/1998		6.00	Sáu	C19QT1	
27	1710100012	Phan Thị Cẩm Tú	14/11/1999		6.00	Sáu	C19QT1	
28	1710100021	Lê Trần Kim Vân	21/08/1999		6.00	Sáu	C19QT1	
29	1710130018	Trương Công Vinh	29/04/1999		7.00	Bay	C19QT1	
30	1710100001	Đinh Minh Vũ	06/05/1998		6.00	Sáu	C19QT1	

Lưu ý: Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

Tổng số sinh viên dự thi: 26 vắng thi: 04 Số bài thi: 26 / 26

Số sinh viên đạt/không đạt: 26 / 04

Tỷ lệ đạt: _____ %

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 3 - Năm học : 2017-2018

Môn học : Pháp luật kinh tế - 1104003

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Mã lớp học phần: 110400302

Số tín chỉ: 2

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giảng viên giảng dạy: Trần Kiều Nhi - (07014)

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	1710100040	Châu Nguyễn Kim Anh	14/10/1999		0.00	Không	C19QT1	
2	1710100039	Mohamad Aziz	14/03/1999		0.00	Không	C19QT1	
3	1710100036	Nguyễn Văn Điền	29/08/1997		9.00	Chín	C19QT1	
4	1710100018	Lâm Lê Huy Hoàng	27/08/1999		9.00	Chín	C19QT1	
5	1710100004	Trần Thanh Liêm	30/12/1999		6.00	Sáu	C19QT1	
6	1710100035	Huỳnh Thị Kim Loan	10/09/1999		9.00	Chín	C19QT1	
7	1710100003	Huỳnh Thị Kiều Mai	13/03/1999		9.00	Chín	C19QT1	
8	1710100030	Ksor Kpã Misian	06/06/1995		6.00	Sáu	C19QT1	
9	1710100013	Võ Thị Yến Nhi	1999		9.00	Chín	C19QT1	
10	1710100037	Trần Quốc Nhơn	23/04/1998		9.00	Chín	C19QT1	
11	1710100016	Đặng Quỳnh Như	25/12/1999		0.00	Không	C19QT1	
12	1710100009	Ngô Tấn Phát	30/07/1998		9.00	Chín	C19QT1	
13	1710100005	Huỳnh Văn Phú	26/09/1999		0.00	Không	C19QT1	
14	1710100022	Trần Thị Thùy Phương	27/10/1999		9.00	Chín	C19QT1	
15	1710100033	Đặng Tú Quyên	30/01/1998		8.00	Tám	C19QT1	
16	1710100023	Trịnh Ngọc Sang	15/10/1999		0.00	Không	C19QT1	
17	1710100031	Trần Thị Ngân Tâm	25/06/1999		9.00	Chín	C19QT1	
18	1710100019	Nguyễn Thị Phương Thảo	29/03/1999		9.00	Chín	C19QT1	
19	1710100034	Đỗ Kim Thái	18/09/1999		0.00	Không	C19QT1	
20	1710100029	Trịnh Kim Thi	11/02/1999		8.00	Tám	C19QT1	
21	1710100006	Nguyễn Thị Xuân Thu	01/01/1999		9.00	Chín	C19QT1	
22	1710100014	Nguyễn Thị Phương Thùy	03/01/1999		9.00	Chín	C19QT1	
23	1710100038	Đỗ Thị Thủy Tiên	09/03/1998		0.00	Không	C19QT1	
24	1710100024	Trần Thị Thanh Trà	01/12/1999		8.00	Tám	C19QT1	
25	1710100010	Lê Thị Thùy Trắc	18/01/1999		0.00	Không	C19QT1	
26	1710100027	Cao Dư Nhật Trường	12/12/1998		6.00	Sáu	C19QT1	
27	1710100012	Phan Thị Cẩm Tú	14/11/1999		9.00	Chín	C19QT1	
28	1710100021	Lê Trần Kim Vân	21/08/1999		9.00	Chín	C19QT1	
29	1710130018	Trương Công Vinh	29/04/1999		9.00	Chín	C19QT1	
30	1710100001	Đinh Minh Vũ	06/05/1998		6.00	Sáu	C19QT1	

Lưu ý: Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

Tổng số sinh viên dự thi: 24 vắng thi: 6 Số bài thi: 24 / 24

Số sinh viên đạt/không đạt: 24 / 6

Tỷ lệ đạt: _____ %